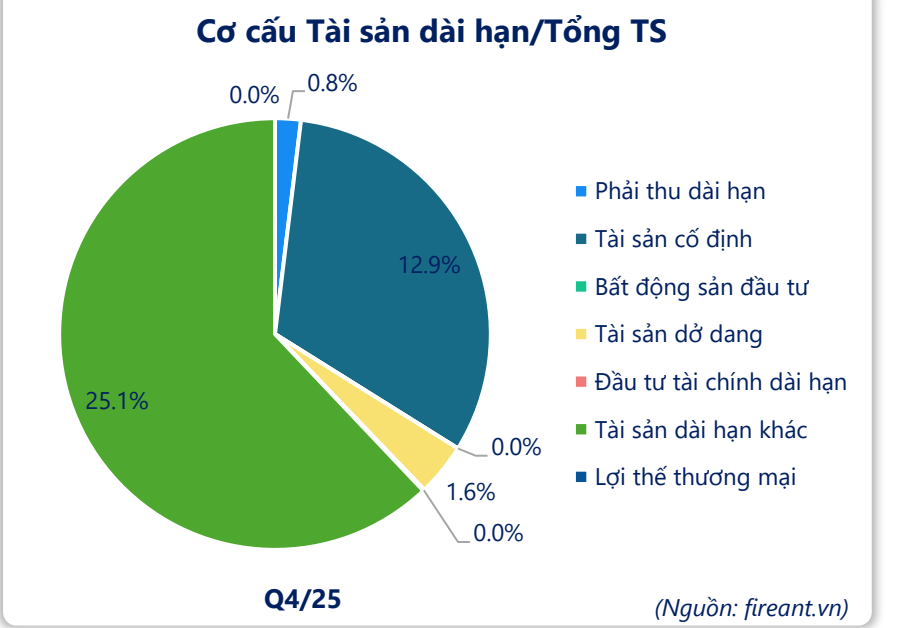
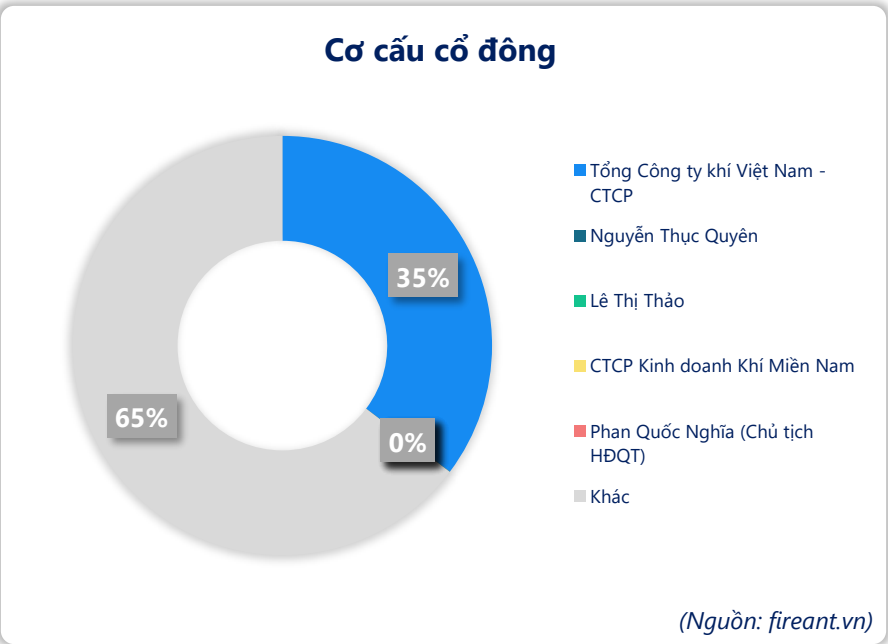
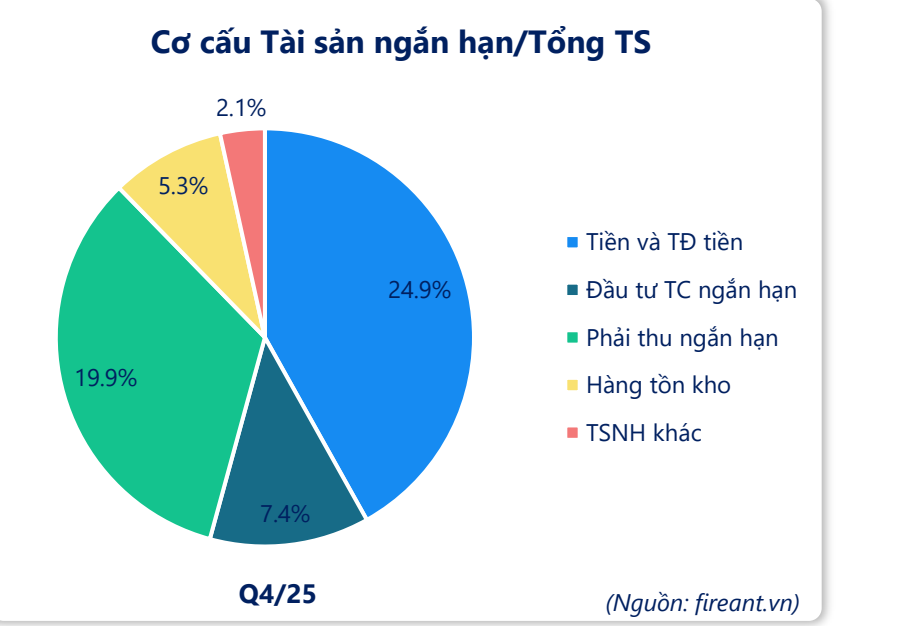
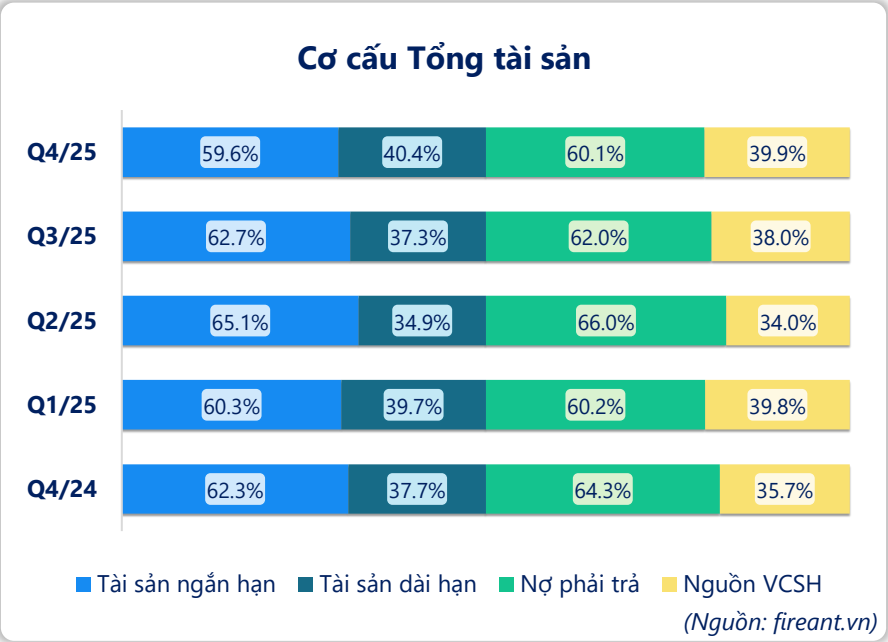
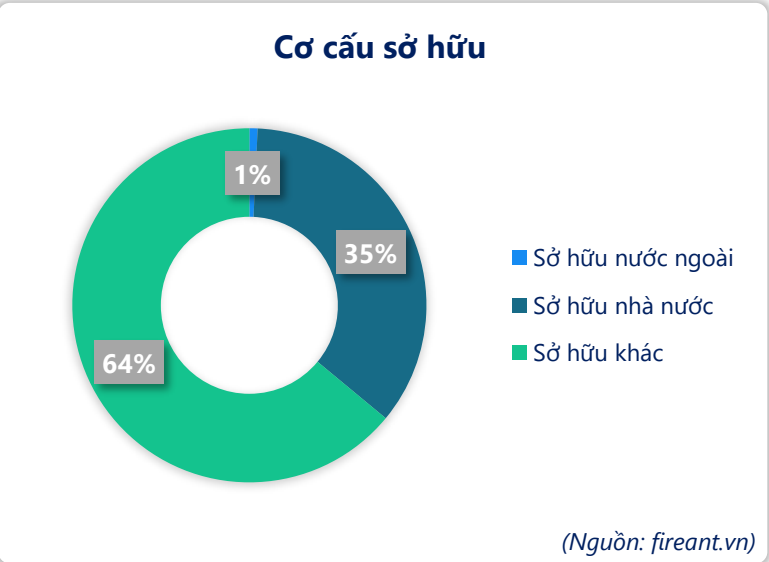
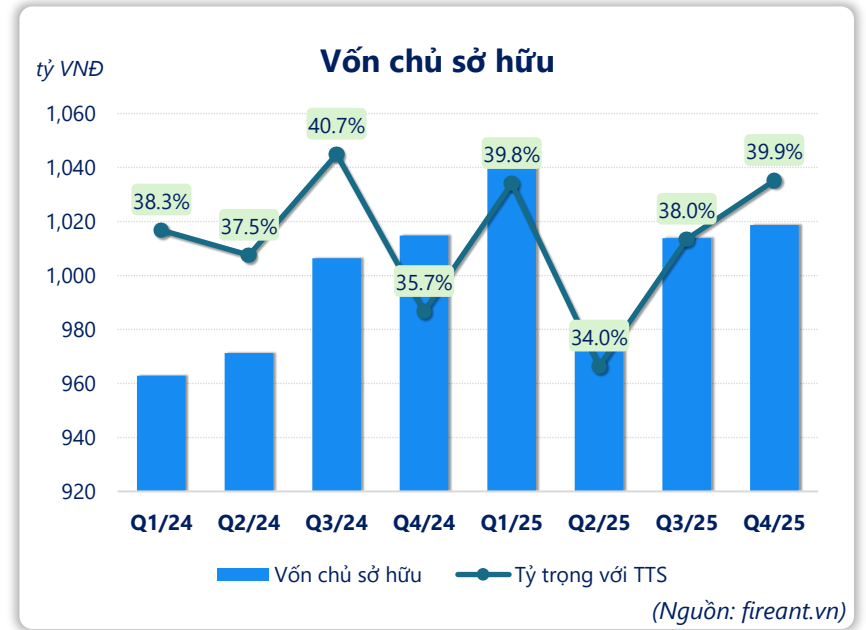
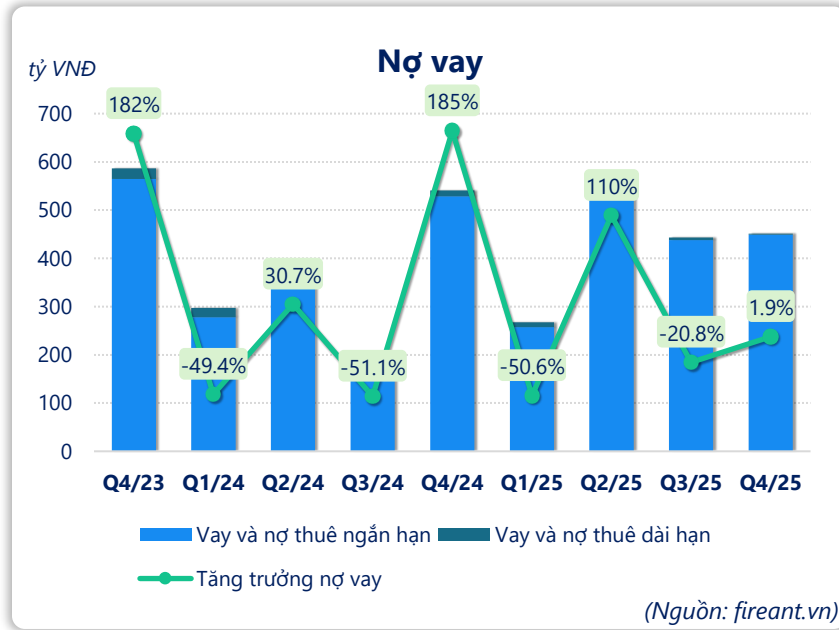
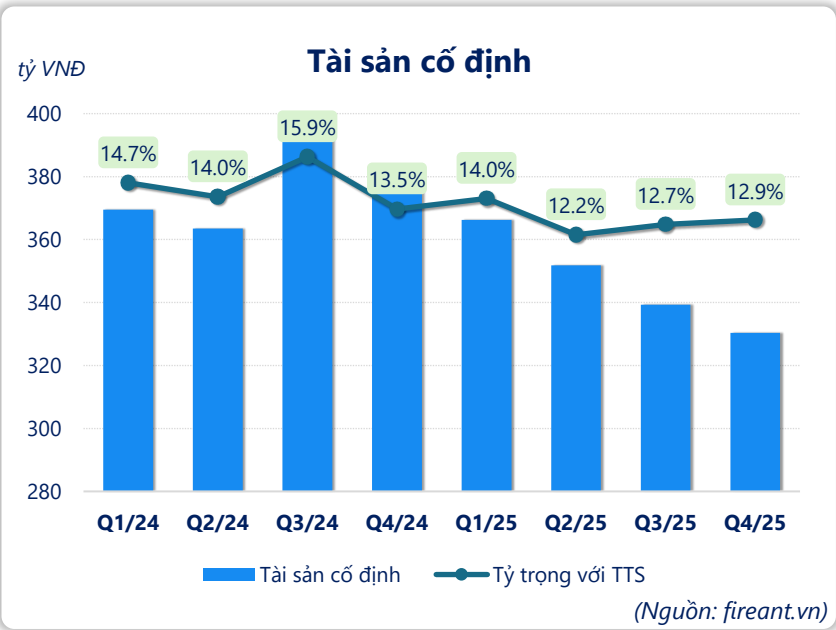
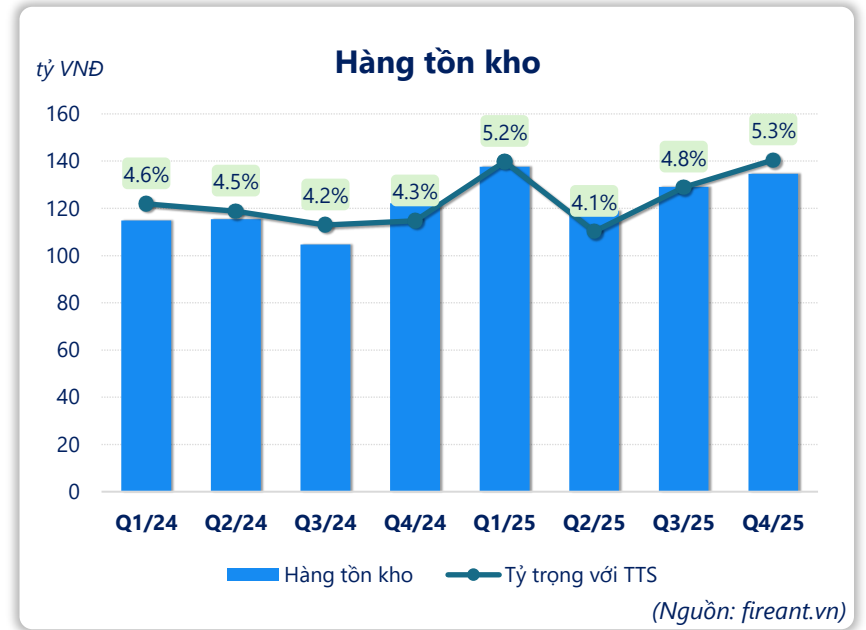
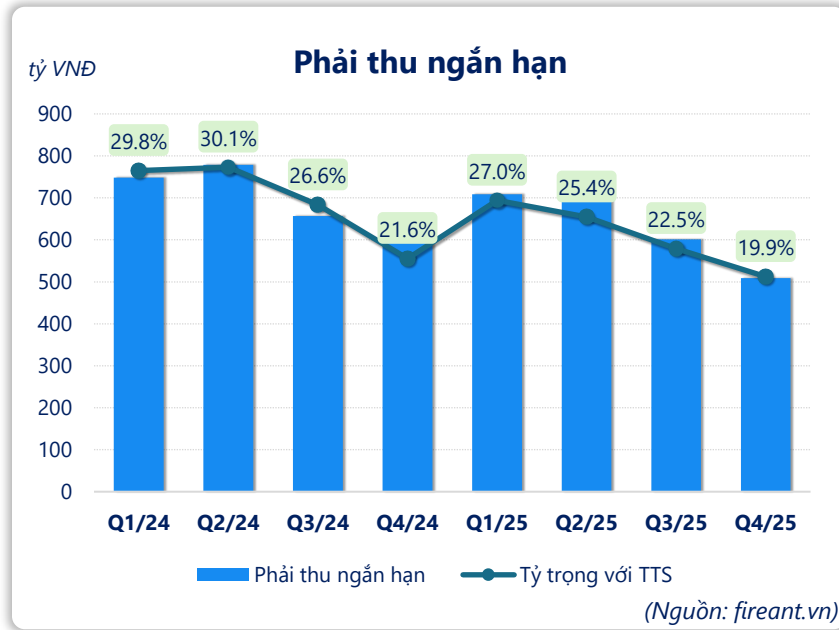
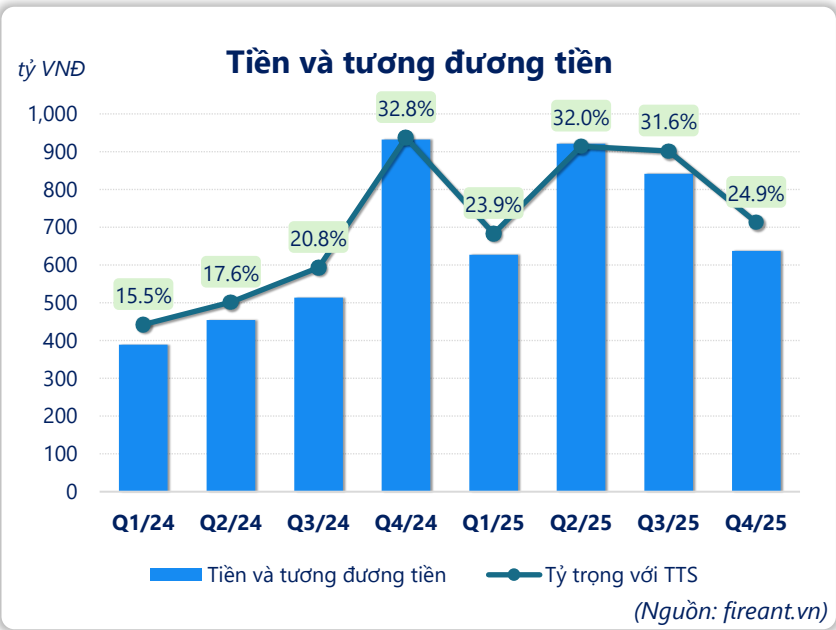
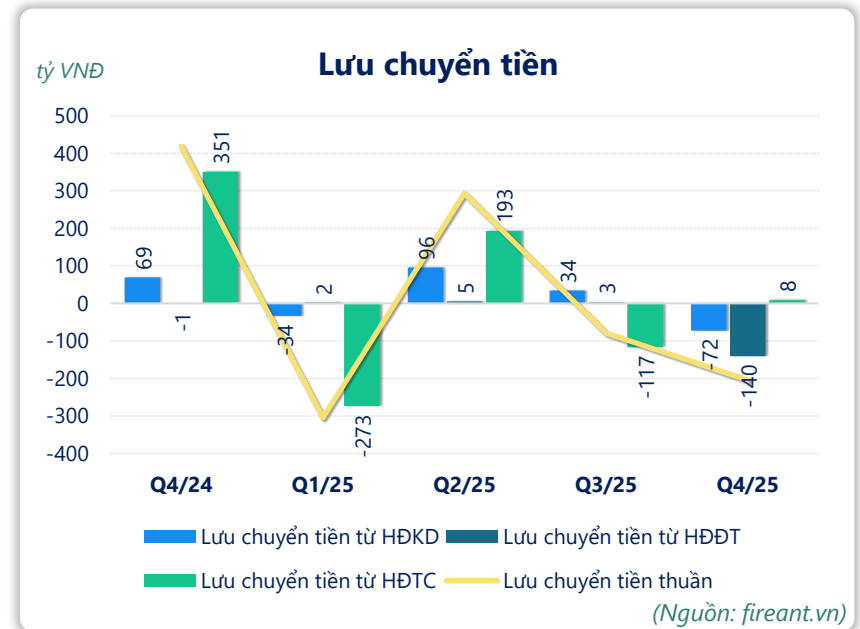
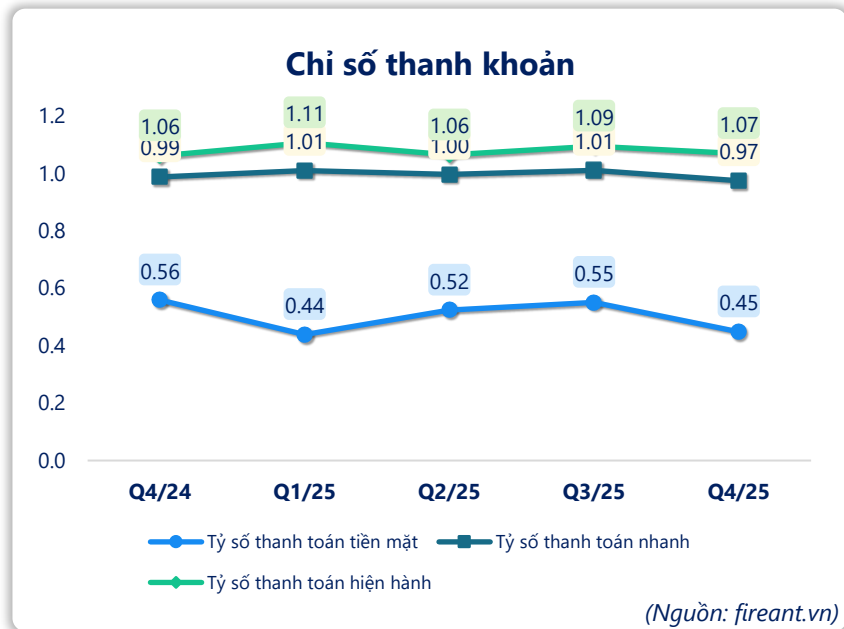
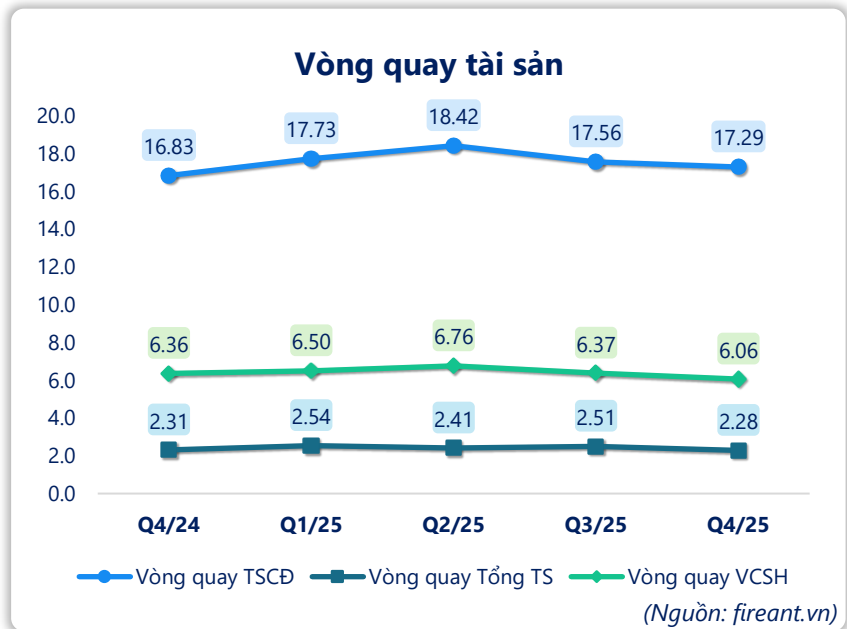
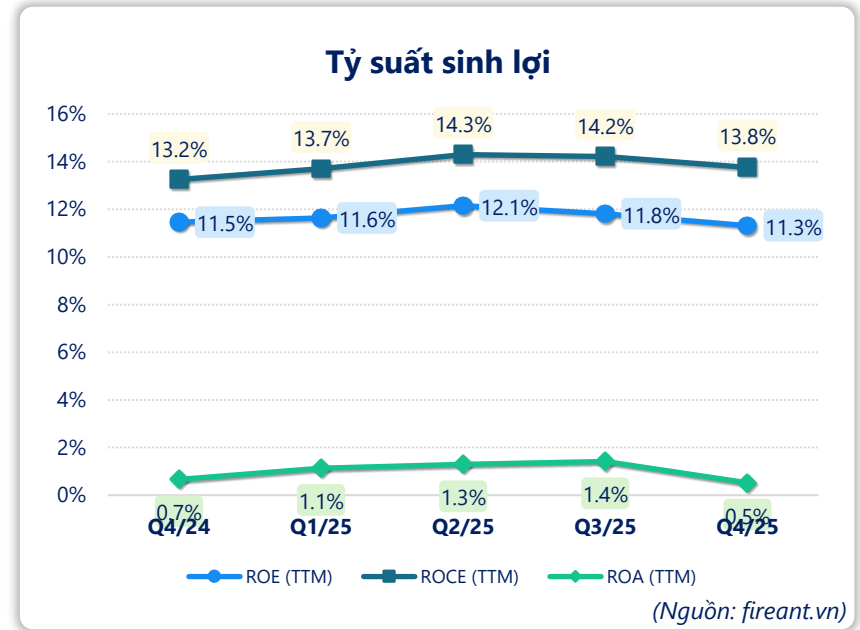
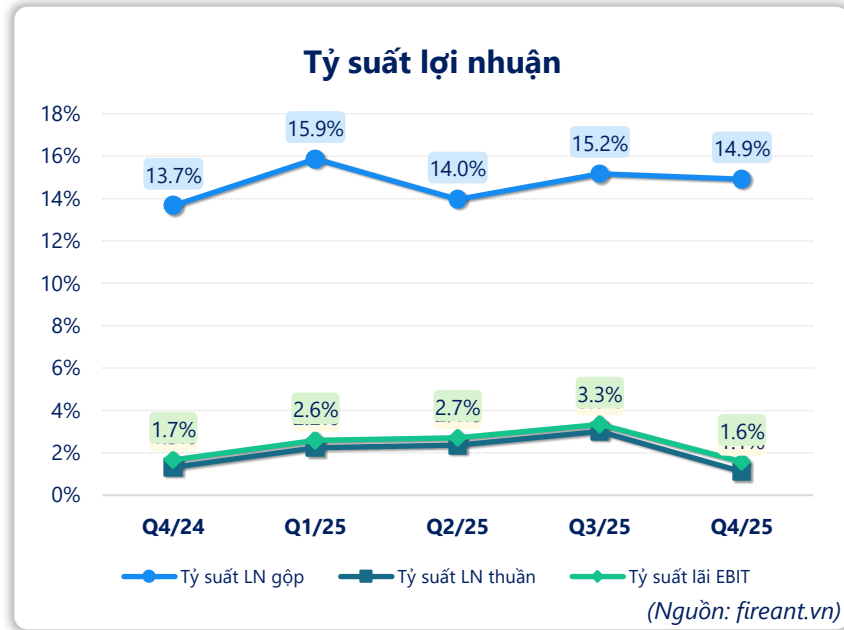
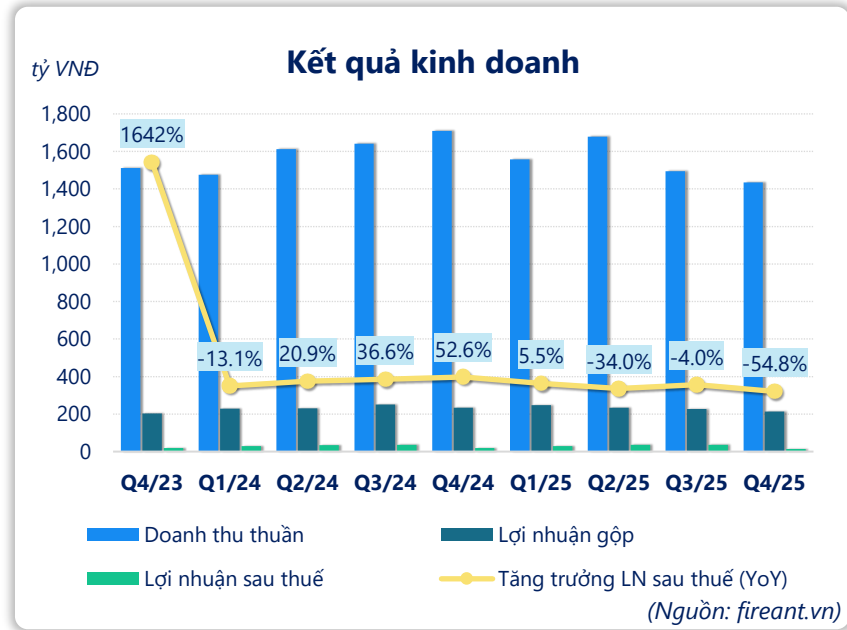


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		52,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		54,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,893
SL cổ phiếu LH		49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)		225
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,645
P/E		23.0
EPS		2,300

	YTD	1T	3T	6T
PGS	71.9%	14.5%	20.2%	53.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,555	2,841	-10.1%
Tài sản ngắn hạn	1,522	1,769	-14.0%
Tiền và tương đương tiền	637	932	-31.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	58.5	222%
Phải thu ngắn hạn	509	614	-17.1%
Hàng tồn kho	135	122	10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	52.6	42.8	22.9%
Tài sản dài hạn	1,033	1,072	-3.6%
Phải thu dài hạn	19.9	3.24	515%
Tài sản cố định	330	382	-13.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	40.7	39.0	4.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.03	0	
Tài sản dài hạn khác	641	647	-0.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,536	1,827	-15.9%
Nợ ngắn hạn	1,424	1,668	-14.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	449	529	-15.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	723	849	-14.9%
Nợ dài hạn	112	158	-29.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.42	12.1	-80.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,019	1,015	0.4%
Vốn chủ sở hữu	1,019	1,015	0.4%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,710	1,557	1,678	1,494	1,434
Giá vốn hàng bán	1,476	1,310	1,444	1,267	1,220
Lợi nhuận gộp	234	247	234	227	214
Doanh thu HĐTC	5.20	6.09	6.28	7.66	7.55
Chi phí TC	2.82	3.73	4.19	4.28	4.71
Chi phí lãi vay	2.70	3.70	4.10	4.23	4.68
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	182	191	169	162	180
Chi phí QLDN	32.0	23.4	27.3	23.4	20.8
LN thuần từ HĐKD	22.6	34.9	39.7	45.0	15.9
Lợi nhuận khác	3.40	1.74	1.82	0.67	1.97
LN trước thuế	26.0	36.7	41.5	45.7	17.9
Lợi nhuận sau thuế	18.4	29.2	35.3	36.4	14.1
LNST của CĐ cty mẹ	18.4	29.2	35.3	36.4	14.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.9	-33.6	95.7	34.4	-72.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.02	2.48	5.36	3.04	-140
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	351	-273	193	-117	8.28
Tiền đầu kỳ	513	932	627	921	842
Lưu chuyển tiền thuần	419	-305	294	-79.2	-204
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	0.04	-0.03	-0.03
Tiền cuối kỳ	932	627	921	842	637

(Nguồn: fireant.vn)